

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

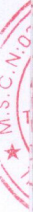
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*

*đã được soát xét*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ</b>	<b>4 – 5</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét</b>	<b>6 – 28</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 – 28



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp An Hưng. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104659943 ngày 19 tháng 5 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 02 đến lần thứ 06 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **56.500.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Nuôi trồng, kinh doanh thủy sản;
- Thi công công trình xây dựng;
- Chăm sóc cây xanh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 28).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Trường Lâm	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2016
Ông Triệu Văn Hợi	Ủy viên	
Ông Hoàng Quốc Anh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Công Hoàng	Ủy viên	
Ông Trịnh Xuân Minh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2016

# CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

## BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đồng Minh	Kế toán trưởng

## KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2016



**Nguyễn Ngọc Sơn**

Số : 299./2016/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt được lập ngày 13 tháng 8 năm 2016, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại thuyết minh số V.08, giá trị quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn vào các Công ty con là 5.000.000.000 đồng, các Công ty con chưa hoàn thiện xong thủ tục chuyển quyền sở hữu sang các Công ty này.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 25 tháng 3 năm 2016.

*Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2016*

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>50.910.450.190</b>	<b>65.899.048.237</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.911.204.467</b>	<b>467.667.930</b>
1.	Tiền	111	V.01	1.911.204.467	467.667.930
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.459.502.217</b>	<b>54.016.899.283</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	27.805.228.428	45.289.945.828
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		158.000.000	80.000.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	13.075.320.000	6.400.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.420.953.789	2.246.953.455
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>6.456.646.737</b>	<b>11.325.095.998</b>
1.	Hàng tồn kho	141		6.456.646.737	11.325.095.998
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>83.096.769</b>	<b>89.385.026</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	77.616.132	73.320.908
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.480.637	16.064.118
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>29.661.100.333</b>	<b>30.250.827.597</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.626.546.542</b>	<b>25.623.075.036</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	24.646.683.417	25.123.075.036
	- Nguyên giá	222		27.102.866.681	27.102.866.681
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.456.183.264)	(1.979.791.645)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	4.979.863.125	500.000.000
	- Nguyên giá	228		5.000.000.000	500.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(20.136.875)	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	-	<b>4.612.100.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	4.612.100.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>34.553.791</b>	<b>15.652.561</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	34.553.791	15.652.561
6.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>80.571.550.523</b>	<b>96.149.875.834</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.254.417.393</b>	<b>29.081.811.862</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.254.417.393</b>	<b>29.081.811.862</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.211.308.120	25.920.524.820
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	150.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.882.007.472	2.456.298.532
4.	Phải trả người lao động	314		85.882.727	34.320.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	75.219.074	520.668.510
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>76.317.133.130</b>	<b>67.068.063.972</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>76.317.133.130</b>	<b>67.068.063.972</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.500.000.000	56.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.500.000.000	56.500.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(106.363.636)	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.245.898.773	8.049.976.837
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.049.976.837	141.188.980
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		195.921.936	7.908.787.857
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.677.597.993	2.518.087.135
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>80.571.550.523</b>	<b>96.149.875.834</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Đồng Minh

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Sơn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	7.161.349.273	100.063.715.455
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.161.349.273	100.063.715.455
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	6.044.405.005	98.259.977.816
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.116.944.268	1.803.737.639
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	342.907.270	135.815
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25		-	13.033.273
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	642.568.689	518.191.965
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		817.282.849	1.272.648.216
12.	Thu nhập khác	31	VI.04	-	1.502.911.191
13.	Chi phí khác	32	VI.05	277.660.046	-
14.	Lợi nhuận khác	40		(277.660.046)	1.502.911.191
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		539.622.803	2.775.559.407
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	193.738.538	610.623.070
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		345.884.265	2.164.936.337
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		149.962.329	-
20.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		195.921.936	2.164.936.337
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	35	433
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	35	433

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Đông Minh

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2016

Giám đốc

Nguyễn Ngọc Sơn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22.242.220.500	15.984.760.500
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(17.305.821.349)	(12.527.009.012)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(446.816.397)	(1.118.743.400)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(150.029.274)	(1.382.804.768)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.767.944.156	150.000.000
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.988.701.259)	(209.188.155)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.118.796.377</b>	<b>897.015.165</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	8.696.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.720.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.044.680.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10.000.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		60.160	135.815
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.675.259.840)</b>	<b>(1.303.864.185)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.443.536.537</b>	<b>(406.849.020)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>467.667.930</b>	<b>829.671.530</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>1.911.204.467</b>	<b>422.822.510</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Đồng Minh

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Sơn

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và thương mại.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Nuôi trồng, kinh doanh thủy sản;
- Thi công công trình xây dựng;
- Chăm sóc cây xanh.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

<b>Tên công ty con</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2016</b>	<b>Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2016</b>
<b>Công ty con đầu tư trực tiếp</b>			
1. Công ty Cổ phần Thực phẩm Bắc Việt Yên Châu	Thôn Thanh Yên II, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	90,00%	90,00%
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên	Thôn 2, xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá	59,09%	59,09%

**06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2015.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và áp dụng thông tư 202/2014/TT0BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **02. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **03. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 27 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	08 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

### **06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

- Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Theo quy định tại khoản 01 điều 20, và khoản 01 điều 19 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty Cổ phần Thực phẩm Bắc Việt Yên Châu (Công ty con) được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

## **12. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

### ***a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:***

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

N.H.H.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

**b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:****Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

**c. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ**

Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.852.121.803	427.989.717
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.082.664	39.678.213
<b>Cộng</b>	<b>1.911.204.467</b>	<b>467.667.930</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	-	-	-	4.612.100.000	4.612.100.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên	-	-	-	4.612.100.000	4.612.100.000	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	<b>4.612.100.000</b>	<b>4.612.100.000</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>27.805.228.428</b>	<b>45.289.945.828</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên	-	2.883.680.000
- Ông Nguyễn Mạnh Cường	1.012.529.007	1.664.529.007
- Công ty TNHH Nông Lâm Sản Mai Châu	15.222.642.800	15.222.642.800
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sao Xanh	8.272.584.500	15.812.584.500
- Bà Trần Thị Huyền	1.294.844.500	3.415.800.000
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	166.607.815	4.216.607.815
- Phải thu các khách hàng ngắn hạn khác	1.836.019.806	2.074.101.706
<b>Cộng</b>	<b>27.805.228.428</b>	<b>45.289.945.828</b>

**04. Phải thu về cho vay**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.075.320.000</b>	-	<b>6.400.000.000</b>	-
- Ông Mai Văn Hạnh	-	-	3.400.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Hoà	-	-	3.000.000.000	-
- Ông Hoàng Thế Quân <sup>(a)</sup>	9.720.000.000	-	-	-
- Ông Mai Văn Thiện <sup>(b)</sup>	3.355.320.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.075.320.000</b>	-	<b>6.400.000.000</b>	-

(a) Khoản cho vay Ông Hoàng Thế Quân theo hợp đồng nguyên tắc tín dụng số 001/2016/HĐNTTD-NNX ngày 31 tháng 3 năm 2016 với thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 9%/năm.

(b) Khoản cho vay theo hợp đồng tín dụng số 001/2015/HĐNTTD-HN giữa ông Mai Văn Thiện và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên (Công ty con) ngày 01 tháng 12 năm 2015 với thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm.

**05. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.420.953.789</b>	-	<b>2.246.953.455</b>	-
- Tạm ứng	1.073.999.875	-	2.246.953.455	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	337.953.914	-	-	-
+ <i>Lãi tiền cho vay phải thu</i>	337.953.914	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.420.953.789</b>	-	<b>2.246.953.455</b>	-

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	160.990.772	-	105.163.618	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	53.155.965	-	219.932.380	-
- Hàng hoá	6.242.500.000	-	11.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.456.646.737</b>	-	<b>11.325.095.998</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>26.907.412.136</i>	<i>195.454.545</i>	<i>27.102.866.681</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>26.907.412.136</i>	<i>195.454.545</i>	<i>27.102.866.681</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.930.928.019</i>	<i>48.863.626</i>	<i>1.979.791.645</i>
- Khấu hao trong kỳ	470.029.166	6.362.453	476.391.619
- Phân loại lại	6.107.955	(6.107.955)	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>2.407.065.140</i>	<i>49.118.124</i>	<i>2.456.183.264</i>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>24.976.484.117</i>	<i>146.590.919</i>	<i>25.123.075.036</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>24.500.346.996</i>	<i>146.336.421</i>	<i>24.646.683.417</i>

**08. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	4.500.000.000	4.500.000.000
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong kỳ	20.136.875	20.136.875
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>20.136.875</i>	<i>20.136.875</i>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>4.979.863.125</i>	<i>4.979.863.125</i>

Giá trị quyền sử dụng đất của các cổ đông góp vốn vào các Công ty con là 5.000.000.000 đồng, các Công ty con chưa hoàn thiện xong thủ tục chuyển quyền sở hữu sang các Công ty này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**  
Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

		Đơn vị tính: VND	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>09. Chi phí trả trước</b>			
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>77.616.132</b>	<b>73.320.908</b>
-	Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dung	77.616.132	73.320.908
<b>b. Dài hạn</b>		<b>34.553.791</b>	<b>15.652.561</b>
-	Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dung	34.553.791	15.652.561
<b>Cộng</b>		<b>112.169.923</b>	<b>88.973.469</b>

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>10. Phải trả người bán</b>				
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.211.308.120</b>	<b>2.211.308.120</b>	<b>25.920.524.820</b>	<b>25.920.524.820</b>
- Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thắm	748.373.520	748.373.520	748.373.520	748.373.520
- Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Đoàn	-	-	2.104.000.000	2.104.000.000
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên	275.099.100	275.099.100	7.233.888.000	7.233.888.000
- Bà Vi Thị Hương	1.187.835.500	1.187.835.500	4.050.199.100	4.050.199.100
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	-	-	11.784.064.200	11.784.064.200
<b>Cộng</b>	<b>2.211.308.120</b>	<b>2.211.308.120</b>	<b>25.920.524.820</b>	<b>25.920.524.820</b>

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu Tăng khác(*)	Số phải nộp cuối kỳ
<b>11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
<b>Số phải thu đầu năm</b>	<b>1.531.372.417</b>	<b>1.531.372.417</b>	<b>909.761.662</b>	<b>909.761.662</b>
- Thuế GTGT đầu ra	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.531.372.417</b>	<b>1.531.372.417</b>	<b>909.761.662</b>	<b>909.761.662</b>
<b>Số phải nộp đầu năm</b>	<b>924.926.115</b>	<b>924.926.115</b>	<b>972.245.810</b>	<b>972.245.810</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>924.926.115</b>	<b>924.926.115</b>	<b>972.245.810</b>	<b>972.245.810</b>
<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>91.250.577</b>	<b>712.861.332</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	193.738.538	150.029.274	3.610.431	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>91.250.577</b>	<b>712.861.332</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số phải nộp cuối kỳ</b>	<b>295.989.115</b>	<b>873.890.606</b>	<b>3.610.431</b>	<b>1.882.007.472</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>295.989.115</b>	<b>873.890.606</b>	<b>3.610.431</b>	<b>1.882.007.472</b>

(\*): Là khoản tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hưng Nguyên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<b>75.219.074</b>	<b>520.668.510</b>
- Kinh phí công đoàn	19.703.500	17.410.000
- Bảo hiểm xã hội	4.411.224	2.652.710
- Bảo hiểm y tế	764.550	419.400
- Bảo hiểm thất nghiệp	339.800	186.400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>75.219.074</b>	<b>520.668.510</b>

**13. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000		4.141.188.980	-	54.141.188.980
Tăng vốn trong năm trước	2.500.000.000	-	-	2.000.000.000	4.500.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	7.908.787.857	518.087.135	8.426.874.992
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty mẹ	4.000.000.000	-	(4.000.000.000)	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>56.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.049.976.837</b>	<b>2.518.087.135</b>	<b>67.068.063.972</b>
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	195.921.936	149.962.329	345.884.265
Tăng khác	-	-	-	9.548.529	9.548.529
Giảm khác(*)	-	(106.363.636)	-	-	(106.363.636)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>56.500.000.000</b>	<b>(106.363.636)</b>	<b>8.245.898.773</b>	<b>11.677.597.993</b>	<b>76.317.133.130</b>

(\*): Là chi phí liên quan đến việc tư vấn phát hành thêm cổ phiếu năm 2015.

*b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
- Vốn góp của các đối tượng khác	56.500.000.000	100,00	56.500.000.000	100,00
<b>Cộng</b>	<b>56.500.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>56.500.000.000</b>	<b>100,00</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	56.500.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	56.500.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.650.000	5.650.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	4.982.400.000	98.975.000.000
- Doanh thu bán thành phẩm	1.761.222.000	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.454.546	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	372.272.727	1.088.715.455
<b>Cộng</b>	<b>7.161.349.273</b>	<b>100.063.715.455</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.757.500.000	97.426.505.448
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	967.880.760	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.489.064	-
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	291.535.181	833.472.368
<b>Cộng</b>	<b>6.044.405.005</b>	<b>98.259.977.816</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	338.014.074	135.815
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.893.196	-
<b>Cộng</b>	<b>342.907.270</b>	<b>135.815</b>

**04. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.502.911.191
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.502.911.191</b>

**05. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí khấu hao, phân bổ công cụ, dụng cụ không dùng	277.142.187	-
- Các khoản khác	517.859	-
<b>Cộng</b>	<b>277.660.046</b>	<b>-</b>

**06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>642.568.689</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	432.337.399
- Chi phí vật liệu quản lý	28.521.609
- Thuế, phí và lệ phí	11.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.136.875
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	150.572.806
<b>Cộng</b>	<b>642.568.689</b>

**07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	193.738.538	610.623.070
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>193.738.538</b>	<b>610.623.070</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	195.921.936	2.164.936.337
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	195.921.936	2.164.936.337
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.650.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>35</u></b>	<b><u>433</u></b>

**09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	195.921.936	2.164.936.337
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.650.000	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>35</u></b>	<b><u>433</u></b>

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	692.724.055
- Chi phí nhân công	638.818.372
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.219.640
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.154.192
- Chi phí khác bằng tiền	101.781.020
<b>Cộng</b>	<b><u>1.762.697.279</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Không có thông tin.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<b>Từ 01/01/2016</b>
	<b>đến 30/6/2016</b>
<b><i>Hội đồng quản trị - Ban điều hành</i></b>	
+ Tạm ứng	5.128.300.000
+ Hoàn ứng	6.552.882.688

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Hội đồng quản trị - Ban điều hành</i></b>		
+ Tạm ứng	821.747.312	2.246.330.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>821.747.312</b>	<b>2.246.330.000</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 01/01/2016</b>
	<b>đến 30/6/2016</b>
Tiền lương, phụ cấp	257.418.127
<b>Cộng</b>	<b>257.418.127</b>

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

***Lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: bán buôn hạt cà phê;
- Lĩnh vực sản xuất: nuôi trồng thủy sản;
- Lĩnh vực dịch vụ: cung cấp dịch vụ chăm sóc cây xanh;
- Lĩnh vực xây dựng: thi công công trình xây dựng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Thương mại</b>	<b>Sản xuất</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>Cộng</b>	<i>Đơn vị tính: VND</i>
<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</b>						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.982.400.000	1.761.222.000	45.454.546	372.272.727	7.161.349.273	
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	
- Chi phí phân bổ	4.965.984.881	1.041.577.806	29.391.076	307.112.661	6.344.066.424	
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	16.415.119	719.644.194	16.063.470	65.160.066	817.282.849	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	27.317.078	9.656.278	249.214	2.041.065	39.263.636	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	359.618.994	127.121.243	3.280.812	26.869.851	516.890.900	
<b>Số dư tại ngày 30/6/2016</b>						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	45.629.785.863	16.129.612.781	416.281.551	3.409.345.861	65.585.026.056	
- Tài sản không phân bổ					14.986.524.467	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>45.629.785.863</b>	<b>16.129.612.781</b>	<b>416.281.551</b>	<b>3.409.345.861</b>	<b>80.571.550.523</b>	
- Nợ phải trả bộ phận	2.959.946.291	1.046.307.508	27.003.656	221.159.938	4.254.417.393	
- Nợ phải trả không phân bổ					-	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.959.946.291</b>	<b>1.046.307.508</b>	<b>27.003.656</b>	<b>221.159.938</b>	<b>4.254.417.393</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý		
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.911.204.467	-	467.667.930	1.911.204.467	467.667.930	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.143.182.342	-	45.289.945.828	28.143.182.342	45.289.945.828	
Phải thu về cho vay	13.075.320.000	-	6.400.000.000	13.075.320.000	6.400.000.000	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>43.129.706.809</b>	<b>-</b>	<b>52.157.613.758</b>	<b>43.129.706.809</b>	<b>52.157.613.758</b>	

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	2.211.308.120	25.920.524.820	2.211.308.120	25.920.524.820
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	50.000.000	500.000.000	50.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.261.308.120</b>	<b>26.420.524.820</b>	<b>2.261.308.120</b>	<b>26.420.524.820</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**06. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	2.211.308.120	-	-	2.211.308.120
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	50.000.000	-	-	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.261.308.120</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.261.308.120</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	25.920.524.820	-	-	25.920.524.820
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	500.000.000	-	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.420.524.820</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.420.524.820</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**

Số 17, ngõ 12, phố Nguyễn Khuyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và cho vay.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

**Nguyễn Thị Huyền Trang**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Đồng Minh**

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2016



**Nguyễn Ngọc Sơn**